

SỬ DỤNG PHÂN TÍCH ĐA TIÊU CHÍ VÀ GIS NHẬN DIỆN TIỀM NĂNG DU LỊCH NÔNG NGHIỆP HUYỆN SÓC SƠN, HÀ NỘI

LÊ VĂN HÀ

Tóm tắt: Du lịch nông nghiệp là loại hình du lịch kết hợp giữa hoạt động nông nghiệp với phát triển du lịch. Đánh giá tiềm năng du lịch là một bước quan trọng trong quá trình hoạch định chính sách phát triển du lịch nông nghiệp. Nghiên cứu này dựa trên cơ sở kết hợp đồng thời 2 công cụ nghiên cứu trong đánh giá tiềm năng du lịch (phân tích đa tiêu chí và GIS), từ đó nhận diện các vùng tiềm năng cho phát triển du lịch nông nghiệp huyện Sóc Sơn. Bài báo cũng đề xuất một số khuyến nghị nhằm phát triển du lịch nông nghiệp như quy hoạch vùng ưu tiên, đa dạng hóa các hoạt động của trang trại, các giải pháp về đầu tư cơ sở hạ tầng, các dịch vụ... ở các vùng tiềm năng thấp của huyện Sóc Sơn.

Từ khóa: du lịch nông nghiệp, tiềm năng, MCDA-GIS.

USING MULTI-CRITICAL ANALYSIS AND GIS TO IDENTIFY THE POTENTIAL AGRICULTURAL TOURISM DISTRICT SOC SON, HANOI

Abstract: Agricultural tourism is a type of tourism that combines agricultural activities with tourism development. Assessment of tourism potential is an important step in the policy making process of agri-tourism development. This study is based on the combination of two research tools in tourism potential assessment (multi-critical analysis and GIS), thereby identifying potential areas for agricultural tourism development in Soc district. The article also proposes some recommendations to develop agri-tourism such as priority area planning, diversification of farm activities, solutions for infrastructure investment, services, etc in the low potential area of Soc Son district.

Keywords: agri-tourism, potential assessment, MCDA-GIS.

1. Đặt vấn đề

Du lịch nông nghiệp (DLNN) là loại hình du lịch đang phát triển nhanh, ngày càng nhận được sự quan tâm của du khách trong những năm gần đây. Theo báo cáo của Fortune Business Insight (2020), nhu cầu DLNN nổi lên như một xu hướng chính trong thị trường du lịch thế giới, qui mô thị trường DLNN toàn cầu khoảng 69,24 tỷ USD vào năm 2019 (chiếm 10,75% giá trị du lịch toàn cầu), dự kiến đạt 117,37 tỷ USD vào năm 2027 [4]. DLNN được đánh giá là loại hình du lịch xanh, đem đến các giá trị trải nghiệm cho du khách, đóng góp cho phát triển kinh tế vùng nông thôn [1].

Theo Sách trắng du lịch Nhật Bản năm 2019, có 57,7% (trong tổng số 18 triệu) du khách nước ngoài đến Nhật Bản năm 2018 tới thăm, thưởng ngoạn phong cảnh thiên nhiên và tìm hiểu văn hóa vùng nông thôn [13]. Tại Đài Loan, DLNN đã trở thành mô hình sống xanh kiểu mẫu, giúp nông dân chuyển đổi từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp hiện đại kết hợp với du lịch [12].

Đánh giá tiềm năng du lịch (TNDL) được sử dụng rộng rãi trong quá trình hoạch định chính sách phát triển du lịch. Việc đánh giá TNDL giúp chính quyền địa phương nhận diện tiềm năng vị trí, lãnh thổ, xác định các ưu tiên phát triển phù

hợp với từng lãnh thổ [5, 7].

Hiện nay, có một số phương pháp sử dụng cho đánh giá TNDL như: phân tích quyết định đa tiêu chí (MCDA) [2, 3, 5], phương pháp phân tích SWOT (cả định tính và định lượng), phương pháp M-GAM, phương pháp hồi qui, phương pháp đánh giá phân loại [9]. Trong đó phương pháp MCDA kết hợp với GIS được sử dụng nhiều nhất. Phương pháp này có ưu thế khi sử dụng kết hợp giữa phương pháp chuyên gia, quá trình phân tích thứ bậc (AHP) để lựa chọn tiêu chí và trọng số của mỗi tiêu chí, phân tích không gian với công cụ trong GIS để xác định các vùng tiềm năng cho phát triển du lịch [3, 5, 7, 10].

Sóc Sơn là địa phương có nhiều ưu thế trong phát triển DLNN do nằm gần trung tâm Hà Nội, có nhiều tài nguyên du lịch hấp dẫn, hạ tầng kỹ thuật, tiện ích phục vụ du lịch được đầu tư tương đối hiện đại và đồng bộ. Tuy nhiên, sự phát triển

DLNN ở Sóc Sơn còn manh mún, tự phát và thiếu đầu tư chiều sâu.

Ngoài ra, trên phương diện học thuật, có rất ít công trình nghiên cứu về đánh giá TNDL huyện Sóc Sơn và nếu có, các nghiên cứu này chủ yếu đánh giá mang tính mô tả, định tính hoặc thống kê các loại tài nguyên. Do đó, nghiên cứu này sẽ giúp lượng hóa tiềm năng DLNN theo lãnh thổ, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học cho hoạch định chính sách phát triển DLNN phù hợp cho Sóc Sơn trong thời gian tới.

2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

- Cơ sở dữ liệu

Dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau, chủ yếu từ các nguồn dữ liệu mở (Bảng 1). Bên cạnh đó, nghiên cứu có sử dụng các số liệu thống kê từ Cục Thống kê thành phố Hà Nội.

Bảng 1. Danh mục các nguồn dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu

TT	Bản đồ	Nguồn
1	Lớp ranh giới hành chính	https://vietnam.opendevelopmentmekong.net/vi/
2	Bản đồ lớp phủ/Land Cover từ ảnh Landsat 8 OLI	https://earthexplorer.usgs.gov/
3	Bản đồ DEM	https://earthexplorer.usgs.gov/
4	Bản đồ thủy văn	https://vietnam.opendevelopmentmekong.net/vi/
5	Bản đồ giao thông	https://www.openstreetmap.org/
6	Bản đồ các vị trí hấp dẫn về văn hóa (di tích lịch sử, công trình kiến trúc), các vị trí hấp dẫn tự nhiên, điểm DLNN, khách sạn	https://www.google.com/maps , https://www.openstreetmap.org/

- Phương pháp nghiên cứu

Bài báo sử dụng phương pháp đánh giá MDCA kết hợp GIS để đánh giá tiềm năng DLNN huyện Sóc Sơn. Phương pháp này được tiến hành theo 5 bước:

(1) Bước thứ nhất: Xác định các tiêu chí và điểm cho mức phân loại của từng tiêu chí;

(2) Bước thứ hai: Chuẩn bị dữ liệu (các lớp bản đồ). Các dữ liệu được thu thập thông qua

nguồn dữ liệu mở, được xử lý, biên tập đưa về dạng dữ liệu chuẩn;

(3) Bước thứ ba: Tiến hành phân tích không gian và phân loại các lớp dữ liệu không gian trong môi trường GIS, bao gồm: phân tích mật độ (Kernel density), phân tích khoảng cách (Euclidean distance), tạo vùng bao (buffer) và chuyển đổi dữ liệu sang định dạng raster;

(4) Bước thứ tư: Xác định trọng số của các tiêu chí theo phương pháp phân tích thứ bậc (AHP) và phương pháp tham vấn ý kiến chuyên gia;

(5) Bước thứ năm: Chồng lớp bản đồ trong môi trường GIS (Weighted Overlay) với trọng số của các tiêu chí được xác định từ bước 4, kết hợp với công cụ tính toán trên dữ liệu raster để xác định vùng không có tiềm năng (không phù hợp).

+ Lựa chọn tiêu chí đánh giá

Đánh giá tiềm năng DLNN chính là nhận diện khả năng của từng vị trí, từng phân cấp lãnh thổ về mức độ thu hút và đón khách (hay nói cách khác là xác định sự hấp dẫn của vị trí/lãnh thổ đối với khách du lịch) [9]. DLNN là hoạt động trải nghiệm liên quan tới nông nghiệp nên tính hấp dẫn phụ thuộc vào các hoạt động nông

nghiệp (đất nông nghiệp, cánh đồng, trang trại, HTX, các thiết bị và máy móc phục vụ nông nghiệp...) [5, 9, 10].

Nhìn chung, các nhân tố ảnh hưởng tới sự hấp dẫn DLNN rất đa dạng và hiện chưa có sự thống nhất về tiêu chí đánh giá của các tác giả. Chẳng hạn như Nino và nnk (2017) sử dụng 5 tiêu chí (lớp phủ đất/sử dụng đất; động vật hoang dã; đặc trưng duy nhất; địa hình; khoảng cách tới giao thông) để đánh giá tiềm năng du lịch sinh thái. Trong khi đó, Gyniaye (2017) sử dụng 6 tiêu chí (lớp phủ đất/sử dụng đất; các vị trí hấp dẫn; các yếu tố văn hóa; các dịch vụ và tiện ích; khả năng tiếp cận, dân số).

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng 8 tiêu chí để đánh giá tiềm năng DLNN huyện Sóc Sơn (Bảng 2).

Bảng 2. Các tiêu chí đánh giá tiềm năng du lịch nông nghiệp

Các nhân tố/tiêu chí	Ký hiệu	Các biến số	Giá trị/điểm
Lớp phủ	C1	Đất nông nghiệp, đất rừng, đất ở, hồ và sông, bãi rác.	Đất nông nghiệp, đất có rừng là phù hợp nhất với hoạt động DLNN; đất hồ, sông có mức độ phù hợp thấp hơn. Đất nông nghiệp tương ứng 9 điểm, đất rừng 8 điểm, sông và hồ tương ứng 5 điểm, đất ở tương ứng 2 điểm, đất bãi rác tương ứng 0 điểm (không phù hợp).
Các vị trí hấp dẫn	C2	Các vị trí tự nhiên và nhân tạo hấp dẫn (các đỉnh núi, đồi, các công trình kiến trúc, hồ).	Sự hấp dẫn của một vùng được đo bởi mật độ các điểm hấp dẫn, nơi có mật độ càng cao thì càng hấp dẫn, mật độ càng thấp thì càng kém hấp dẫn. Thang điểm từ 1 đến 9 điểm.
Các yếu tố văn hóa	C3	Các điểm di tích lịch sử và văn hóa, các lễ hội.	Các vùng với mật độ yếu tố văn hóa cao thường được xem là phù hợp nhất cho du lịch. Thang điểm từ 1 đến 9 điểm.
Khả năng tiếp cận	C4	Các đường giao thông chính.	Các vùng càng gần đường giao thông thì càng phù hợp cho du lịch. Đường giao thông chính sẽ được phân tích mật độ (mật độ càng cao thì càng phù hợp). Thang điểm từ 1 đến 9 điểm.
Các tiện ích và các dịch vụ	C5	Các tiện ích gồm: khách sạn, khu nghỉ dưỡng, nhà nghỉ, nhà hàng, các dịch vụ vui chơi (sân golf).	Các vùng với số lượng các tiện ích và dịch vụ cao được xem là nơi phù hợp nhất cho du lịch trong khi các vùng ít phù hợp thì số lượng các tiện ích giảm. Thang điểm từ 1 đến 9 điểm.

Sông	C6	Khoảng cách tới các con sông.	Các vùng càng gần sông càng phù hợp với phát triển du lịch (sông được xem như yếu tố tự nhiên hấp dẫn DLNN). Thang điểm từ 1 đến 9 điểm.
Các điểm DLNN	C7	Các điểm đang khai thác phát triển DLNN, hoặc các điểm tiềm năng khác như HTX hữu cơ, HTX nông nghiệp công nghệ cao.	Tiềm năng của vùng theo tiêu chí điểm DLNN được đo dựa trên mật độ điểm (các vùng có mật độ càng cao thì càng tiềm năng). Thang điểm từ 1 đến 9 điểm.
Môi trường	C8	Các bãi rác, khu xử lý rác thải.	Khu vực gần bãi rác, khu xử lý rác thải không phù hợp với phát triển du lịch (khoảng cách tới bãi rác càng xa càng tốt). Mức phù hợp nhất được xác định khoảng từ 3 km trở lên.

+ *Xác định trọng số cho các nhân tố theo phương pháp phân tích thứ bậc (AHP)*

Trọng số của các nhân tố dựa vào phương pháp AHP được Saaty (1987) đề xuất. Trong đó

các nhân tố được so sánh với nhau và tầm quan trọng của mỗi nhân tố tương ứng với điểm số (Bảng 3).

Bảng 3. Tầm quan trọng của các nhân tố ảnh hưởng lên tiềm năng du lịch [7]

Điểm	Tầm quan trọng	Giải thích
1	Tầm quan trọng như nhau	Hai yếu tố đóng góp bằng nhau cho đối tượng
3	Tầm quan trọng hơn một chút	Yếu tố này có đóng góp và tác động hơn so với yếu tố khác
5	Quan trọng hơn nhiều	Yếu tố này có đóng góp nhiều hơn so với yếu tố khác
7	Rất quan trọng	Yếu tố này có đóng góp nhiều hơn nhiều so với yếu tố khác
9	Cực kỳ quan trọng	Yếu tố này có đóng góp nhiều hơn rất nhiều so với yếu tố khác
2,4,6,8 có thể được sử dụng cho các giá trị trung gian		

Trong phương pháp này, các chuyên gia sẽ được tham vấn ý kiến về tầm quan trọng giữa 2 tiêu chí. Trường hợp tầm quan trọng tương đối của tiêu chí thứ j so với tiêu chí thứ i sẽ nhận giá trị nghịch đảo. Sau đó, một bảng ma trận so sánh cặp đôi và bảng ma trận so sánh cặp đôi được chuẩn hóa sẽ được xây dựng, chỉ số CR được tính để kiểm tra tính phù hợp của ma trận.

CR tính theo công thức: $CR = CI/RI$, trong đó:

RI: chỉ số nhất quán ngẫu nhiên và giá trị này được tính sẵn (nếu $n = 5$, $RI = 1,12$; $n = 7$, $RI = 1,32$).

CI: chỉ số nhất quán, tính theo công thức:

$CI = (\lambda_{\max} - 1)/(n - 1)$, trong đó:

$\lambda_{\max}$ là giá trị riêng cao nhất của ma trận so sánh cặp đôi.

n: số tiêu chí xem xét.

Chỉ số CR có giá trị càng nhỏ càng tốt, nếu $CR \leq 0,1$ thì ma trận so sánh cặp đôi có thể chấp nhận như một ma trận nhất quán; nếu $CR > 0,1$ tương ứng với ma trận so sánh cặp đôi được cho là không phù hợp [7].

+ *Phương pháp bản đồ và hệ thông tin địa lý*

Phương pháp này được sử dụng để phân tích dữ liệu không gian (phân tích mật độ, khoảng cách), tạo bản đồ lớp phủ từ ảnh Landsat 8 OLI, phân tích chồng lớp (Weight overlay) và công cụ tính toán trên dữ liệu raster để tạo bản đồ tiềm năng.

Toàn bộ các bước phân tích, xử lý dữ liệu không gian trong nghiên cứu này được thực hiện với sự hỗ trợ của phần mềm ArcGIS 10.7 có tích hợp công cụ phân tích MCDA để xây dựng ma trận so sánh cặp đôi và tính trọng số.

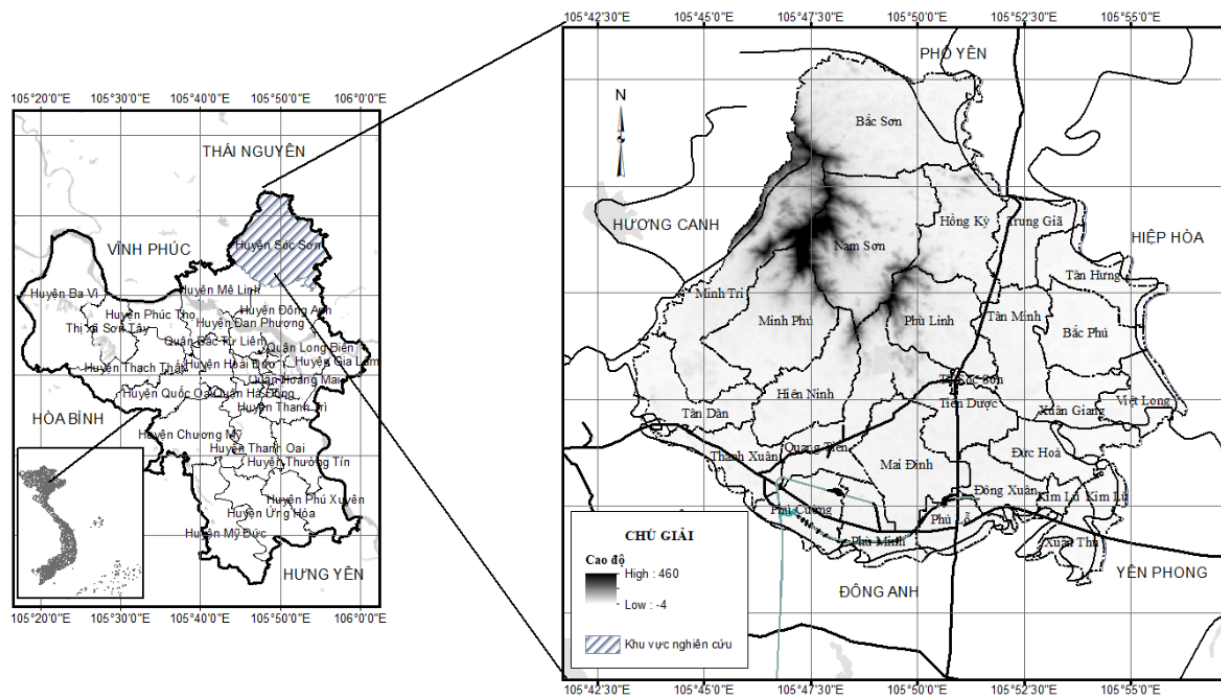
3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Vị trí khu vực nghiên cứu

Sóc Sơn nằm ở cửa ngõ phía Bắc, đầu mối giao thông quan trọng của thành phố Hà Nội (Hình 1), nơi hội tụ và giao nhau của nhiều tuyến giao thông huyết mạch kết nối các tỉnh phía Bắc với Hà Nội như QL2, QL18, QL3, cao tốc Hà

Nội - Lào Cai, cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, sân bay Nội Bài...

Sóc Sơn có 25 xã và 1 thị trấn trực thuộc; dân số năm 2018 là 341,1 nghìn người (trong đó, thành thị 5,2 nghìn người, nông thôn 335,9 nghìn người); mật độ đạt 1.119 người/km². Tổng diện tích đất tự nhiên là 30.476 ha, trong đó, diện tích lúa là 19.181 ha; cây hàng năm 24.011 ha; rau 1.528 ha (rau hữu cơ hơn 35 ha ở xã Thanh Xuân); cây lâu năm 1.756 ha; cây công nghiệp 343 ha; cây ăn quả 1.265 ha [6].



Hình 1. Vị trí khu vực nghiên cứu

Địa hình huyện Sóc Sơn phân hóa thành 3 dạng chính: vùng đồi núi (độ cao tuyệt đối từ 50 - 462 m, phân bố chủ yếu ở các xã phía Bắc và Tây Bắc); vùng gò đồi thấp (độ cao 20 - 50 m); vùng đồng bằng (độ cao từ 2 - 6 m, thấp dần xuống phía nam, phân bố dọc theo sông Cà Lồ và sông Cầu); hệ thống sông, hồ với mật độ khá cao (sông Cầu ở phía Đông, sông Cà Lồ ở phía Nam và phía Tây), kết hợp

với các ngòi, hồ tự nhiên và hồ nhân tạo (Đồng Quan, Đồng Đền, Phú Nghĩa, Đồng Đò, Ban Tiện).

Sóc Sơn có nhiều di sản văn hóa, lịch sử hấp dẫn như: Di sản văn hóa Hội Gióng (di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại, được UNESCO công nhận năm 2010); Di tích kiến trúc nghệ thuật Đền Sóc (di tích Quốc gia đặc biệt, được công nhận năm 2014).

Sóc Sơn có nhiều lợi thế để phát triển DLNN, không quá xa trung tâm thành phố, diện tích đất nông - lâm nghiệp lớn (gần 60% diện tích tự nhiên); là vùng nông nghiệp truyền thống đang chuyển đổi mạnh mẽ sang mô hình sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao theo hướng nông nghiệp xanh và sạch. Sóc Sơn có hơn 210 trang trại, 1559 hợp tác xã (HTX), trong đó, 1 HTX sản xuất hữu cơ, 1 HTX nông nghiệp công nghệ cao, 1 HTX chè VietGap... [6].

Đây là các thế mạnh và những điều kiện cần để phát triển DLNN. Đặc biệt là các trang

trại, HTX nông nghiệp hữu cơ, HTX nông nghiệp công nghệ cao có thể phát triển các sản phẩm DLNN như các tour thăm nông trại, trang trại, thăm quan các cửa hàng nông sản hoặc tham gia trực tiếp vào các hoạt động nông nghiệp.

3.2. Ma trận so sánh cặp đôi và trọng số của các tiêu chí

Sau khi tham vấn ý kiến chuyên gia về tầm quan trọng của mỗi tiêu chí, so sánh 7 tiêu chí đánh giá TNDL nông nghiệp, ma trận so sánh cặp đôi được xây dựng (Bảng 4).

Bảng 4. Ma trận so sánh cặp đôi giữa các tiêu chí

	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7
C1	1	3	3	4	0,5	3	0,33
C2	0,33	1	2	1	0,33	2,00	0,5
C3	0,33	0,5	1	0,33	0,25	0,25	0,2
C4	0,25	1	0,33	1	0,14	0,5	0,33
C5	2	5	4	7	1	5	0,5
C6	0,33	0,5	4	2	0,2	1	0,5
C7	3	2	5	3	2	2	1

Nguồn: Tính toán của tác giả.

Chỉ số CR được sử dụng để kiểm tra sự phù hợp của ma trận so sánh cặp đôi. Kết quả cho thấy, $CI = 0,09$, $CR = 0,06$, thỏa mãn điều kiện ($CR < 0,1$) [7], do đó, ma trận so sánh cặp đôi là phù hợp.

Tiếp theo, kết quả tính trọng số trong Bảng 5 với: C1 (lớp phủ đất) có trọng số là 17%, C2 (các vị trí hấp dẫn tự nhiên) là 9%, C3 (các vị trí hấp dẫn văn hóa-lịch sử) là 4%, C4 (khoảng cách tới sông) là 5%, C5 (tiện ích và dịch vụ) là 28%, C6 (tiếp cận giao thông) là 10%, C7 (điểm DLNN) là 27%.

Bảng 5. Trọng số của tiêu chí

Tiêu chí	Lớp phủ đất	Hấp dẫn tự nhiên	Hấp dẫn văn hóa	Gần sông	Tiện ích và dịch vụ	Tiếp cận giao thông	Điểm DLNN
Trọng số (%)	17	9	4	5	28	10	26

Nguồn: Tính toán của tác giả.

3.3. Kết quả đánh giá tiềm năng du lịch nông nghiệp huyện Sóc Sơn

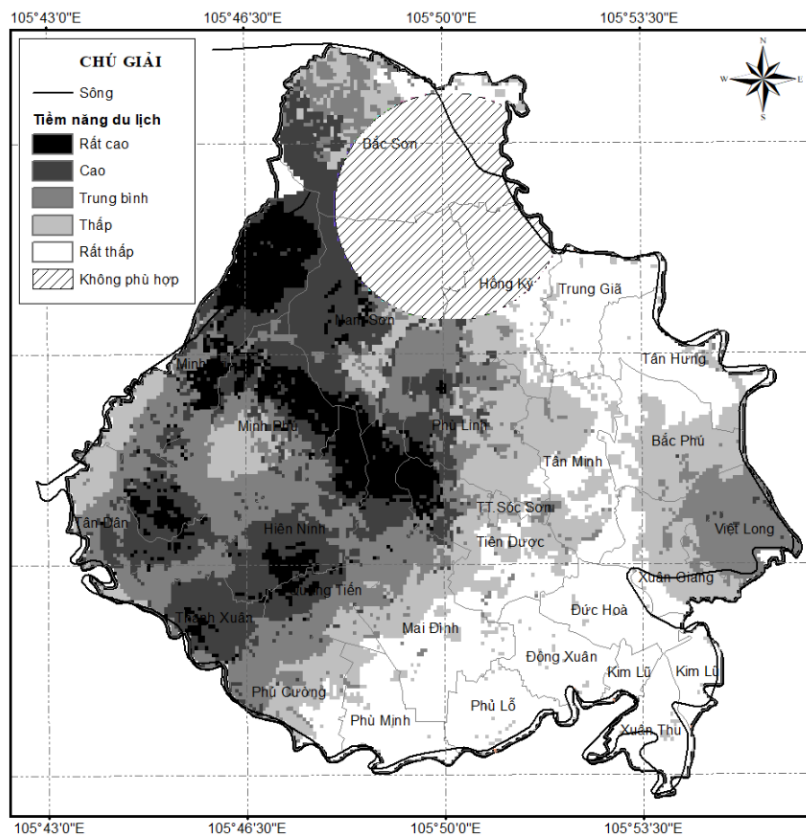
Bản đồ tiềm năng DLNN huyện Sóc Sơn được xây dựng dựa vào chồng lớp có trọng số của 7 tiêu

chí. Sử dụng công cụ tính toán trên dữ liệu raster đối với tiêu chí môi trường để xác định vùng không phù hợp cho phát triển DLNN (do nằm trong khu vực ảnh hưởng của khu xử lý rác thải Nam Sơn).

Bảng 6. Diện tích các vùng tiềm năng du lịch nông nghiệp

TT	Vùng tiềm năng	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
1	Rất thấp	7.2613	23,8
2	Thấp	4.9642	16,3
3	Trung bình	4.8556	15,9
4	Cao	4.1227	13,5
5	Rất cao	2.0254	6,6
6	Không phù hợp	7.2464	23,8
	Tổng	30.4756	100,0

Nguồn: Tính toán của tác giả.



Hình 2. Bản đồ tiềm năng DLNN huyện Sóc Sơn

Kết quả Hình 2 cho thấy, các vùng tiềm năng rất cao chiếm khoảng 20,1% tổng diện tích của huyện, tập trung chủ yếu ở xã Minh Trí, Phù Linh, Quang Tiến, Tân Dân, Thanh Xuân... (Bảng 6). Các xã này có mật độ di sản văn hóa và các điểm tự nhiên hấp dẫn khá cao, số lượng các tiện ích và dịch vụ (khách sạn, nhà nghỉ, homestay, sân golf, nhà hàng) tập trung với mật độ cao. Một số trang trại, HTX ở các xã này đã

khai thác lợi thế của mình để phát triển sản phẩm DLNN trải nghiệm và thăm khu trồng rau hữu cơ (như khu DLNN của Công ty Việt Long, HTX rau hữu cơ Thanh Xuân, du lịch sinh thái Bản Rôm, khu du lịch sinh thái Hương Tràm).

Vùng tiềm năng thấp và rất thấp tập trung ở các xã phía Đông và phía Nam, chiếm khoảng 40,1% (các xã Phù Minh, Phú Lỗ, Đông Xuân, Kim Lũ, Xuân Thu, Tiên Dược, Xuân Giang,

Trung Giã, Tân Hưng...). Các xã ở vùng này có ít điểm hấp dẫn, hệ thống dịch vụ và tiện ích du lịch rất hạn chế, hoạt động nông nghiệp không tạo ra điểm nhấn đặc biệt hấp dẫn khách du lịch. Do đó, để phát triển DLNN cần đầu tư vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thu hút doanh nghiệp và xây dựng mô hình nông nghiệp xanh, sạch.

Các xã Thanh Xuân, Minh Trí cũng nằm trong vùng có tiềm năng từ trung bình cho đến rất cao. Mặc dù có ít điểm hấp dẫn, các tiện ích, dịch vụ phục vụ du lịch hạn chế, nhưng lại dễ tiếp cận giao thông, đã và đang triển khai mô hình trồng rau hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao và bắt đầu khai thác một số sản phẩm DLNN.

Vùng không phù hợp cho phát triển du lịch chủ yếu thuộc 4 xã (Bắc Sơn, Nam Sơn, Hồng Kỳ và Trung Giã) do nằm trong vùng ảnh hưởng của nhà máy xử lý rác thải Nam Sơn.

4. Kết luận và khuyến nghị

Kết quả nghiên cứu cho thấy, vùng tiềm năng cao và rất cao cho phát triển DLNN ở Sóc Sơn chiếm hơn 20% tổng diện tích tự nhiên của huyện, vùng tiềm năng trung bình 15,9%, vùng tiềm năng thấp và rất thấp 40,1%, vùng không có tiềm năng (không phù hợp) 23,8%. Như vậy, có thể kết luận rằng, phần lớn diện tích lãnh thổ huyện Sóc Sơn là phù hợp với phát triển DLNN.

Tuy nhiên, hiện nay các tiềm năng này vẫn chưa được khai thác hiệu quả. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số khuyến nghị cho phát triển DLNN huyện Sóc Sơn:

Thứ nhất, tập trung ưu tiên phát triển DLNN ở các vùng có tiềm năng cao, trong đó xây dựng mô hình DLNN gắn với trang trại, HTX, công ty nông nghiệp theo hướng sản xuất xanh, sạch và/hoặc công nghệ cao.

Kinh nghiệm phát triển DLNN trên thế giới

chỉ ra rằng, DLNN thường gắn với các trang trại (ở qui mô gia đình hoặc doanh nghiệp). Chỉ ở qui mô này mới có đủ không gian, tiềm lực, khả năng huy động nguồn lực, đủ năng lực để tổ chức, quản trị và duy trì phát triển DLNN bền vững. Ngoài ra, DLNN là loại hình du lịch xanh, đòi hỏi hoạt động nông nghiệp phải chuyển đổi theo hướng xanh mới phù hợp cho phát triển du lịch.

Thứ hai, đa dạng hóa hoạt động của các trang trại nông nghiệp, thiết kế các hoạt động, sản phẩm DLNN để tránh sự trùng lặp giữa các trang trại.

Kiến nghị này nhằm giải quyết vấn đề phát triển DLNN ở Việt Nam cũng như Sóc Sơn hiện nay, đó là sự trùng lặp giữa các mô hình và sản phẩm DLNN. Đa dạng hóa hoạt động của trang trại gắn với hoạt động DLNN vừa giúp các trang trại tăng thêm thu nhập, vừa giải quyết bài toán tiêu thụ sản phẩm.

Thứ ba, các vùng tiềm năng thấp và rất thấp vẫn có thể phát triển DLNN nếu được đầu tư hạ tầng, các dịch vụ, tiện ích cũng như xây dựng các mô hình nông nghiệp độc đáo để hấp dẫn du khách.

Thực tế cho thấy, Sóc Sơn có nhiều khu vực có tiềm năng nhưng thiếu một số điều kiện nhất định. Để DLNN phát triển thuận lợi, Sóc Sơn vẫn có thể mở rộng các vùng tiềm năng (bằng các biện pháp đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng mô hình nông nghiệp gắn với phát triển DLNN).

Thứ tư, xây dựng qui hoạch các vùng ưu tiên cho phát triển DLNN dựa vào phân vùng tiềm năng DLNN.

Qui hoạch vùng ưu tiên cho phát triển DLNN mới tạo cơ sở pháp lý đủ mạnh để hiện thực hóa mục tiêu phát triển DLNN và thu hút các doanh nghiệp, người dân đầu tư phát triển, cũng như

kiểm soát xung đột trong việc sử dụng không gian phát triển.

Thứ năm, giải quyết dứt điểm vấn đề ô nhiễm môi trường của khu xử lý rác thải Nam Sơn để giảm thiểu tác động đến hoạt động du lịch.

Du lịch nói chung và DLNN nói riêng đòi hỏi tiêu chuẩn môi trường cao. Vì vậy, nếu điểm đến có vấn đề môi trường sẽ ảnh hưởng đến tính hấp dẫn và khả năng cạnh tranh du khách với các địa phương khác.

Bài báo là sản phẩm của đề tài cấp cơ sở "Nghiên cứu phát triển mô hình du lịch nông nghiệp tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội" do Viện Địa lí nhân văn chủ trì, Ths. Bùi Thị Cẩm Tú làm chủ nhiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ammirato, S et al. (2020), *Agritourism and Sustainability: What We Can Learn from a Systematic Literature Review*, Sustainability 2020, 12, 9575; doi:10.3390/su12229575.
2. Baskerville, B. (2013), *Building a GIS Model to Assess Agritourism Potential*, Theses and Dissertations in Geography, <https://digitalcommons.unl.edu/geographythesis/18>, truy cập 25/6/2021.
3. Çetinkaya, C et al. (2017), *Evaluation of ecotourism sites: a GIS-based multi-criteria decision analysis*, Kybernetes; doi.org/10.1108/ K-10-2017-0392.
4. Fortune Business Insight (2020), *Agritourism" Research Report*, <https://www.fortunebusinessinsights.com/agritourism-market-103297>, truy cập 20/6/2021.
5. Nino, K et al. (2017), *GIS based ecotourism potential assessment in Munessa Shashemene Concession Forest and its surrounding area, Ethiopia*, Applied Geography, 82, pp.48-58.
6. *Niên giám thống kê Hà Nội (2018)*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
7. Saaty, R.W (1987), *The analytic hierarchy process – what it is and how it is used*, Math Modelling, Vol.9, No.3-5, pp.161-176.
8. Serbetci, Z (2018), *Examination of Agro-tourism potential: Bursa plain*, The Journal of International Social Research, Volume: 11 Issue: 56, 307-9581.
9. Sergeevich, N.D (2015), *Rating Assessment of the Agro-tourism Potential of Rural Areas*, Biosciences biotechnology research Asia, Vol.12(3), 2731-2738.
10. Sivarajah, V and Yogarajah, S (2019), *A Geo Spatial Analysis for Identifying the Potential of Tourism Development in Jaffna District*, International Journal of Scientific and Research Publications, Volume 9, Issue 4.
11. Số liệu thống kê các cơ sở lưu trú trên địa bàn huyện Sóc Sơn, <https://sodulich.hanoi.gov.vn/>, truy cập ngày 10/6/2021.
12. LamDa (2020), *Taiwan and its agritourism model*, <http://outbox-8.consulting.com/taiwan-and-its-agritourism-model.html>, truy cập 20/5/2021.
13. *White paper on Tourism in Japan* (2019), <https://www.mlit.go.jp/kankocho/en/siryou/whitepaper.html>, truy cập 20/6/2021.

Thông tin tác giả:

Lê Văn Hà - Viện Địa lí nhân văn

Địa chỉ: Số 1 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Email: Levanhakhxh@gmail.com; ĐT: 0973 474 310

Nhật ký tòa soạn

Ngày nhận bài: 09/7/2021

Biên tập: 9/2021